

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN EAKAR  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 23/2023/DS-ST.

Ngày: 25/5/2023.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR – TỈNH ĐẮK LẮK**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhã Phương.
- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thế Hăng và ông Lê Khắc Dũng
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 25/5/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2022. Về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2023/QĐST-DS ngày 26/4/2023; giữa các đương sự:

**-Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Trụ sở: Số 262 - 264 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận 3, thành phố H.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Đình L – Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng TMCP S - huyện E, tỉnh Đ

*Người đại diện tham gia phiên tòa:* Ông Trần Anh T – Phó phòng giao dịch Ngân hàng TMCP S - huyện E, tỉnh Đ (Có mặt)

**-Bị đơn:** Ông Lê Văn K, bà Hoàng Thị V. Nơi cư trú: Thôn 02, xã E, huyện E, tỉnh Đ. (Có mặt)

*-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Văn H, bà Lê Thị K, ông Lê Văn M và ông Lê Văn N. Cùng nơi cư trú: Thôn 02, xã E, huyện E, tỉnh Đ. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S, người đại diện của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 05/9/2019, ông Lê Văn K và bà Hoàng Thị V có ký Hợp đồng tín dụng số LD1924800187 với ngân hàng TMCP S-Chi nhánh Đ – PGD E (gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng). Mục đích sử dụng tiền vay: Sản xuất nông nghiệp. Lãi suất trong 03 tháng đầu kể từ ngày giải ngân là 10%/năm. Lãi suất được điều chỉnh theo từng thời kỳ. Thời hạn vay 12 tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ông K, bà V đã thế chấp 02 quyền sử dụng đất:

- Diện tích đất 4.104m<sup>2</sup> thửa đất số 61, tờ bản đồ 17, địa chỉ thửa đất tại thôn 2, xã E, huyện E, tỉnh Đ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 077576 mang tên hộ ông Lê Văn K và bà Hoàng Thị V.

- Diện tích đất 13.339m<sup>2</sup> thửa đất số 145, 146, 62 tờ bản đồ 13, 17. Địa chỉ thửa đất tại thôn 2, xã E, huyện E, tỉnh Đ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 498061 mang tên hộ ông Lê Văn K.

Do đến kỳ thanh toán gốc lãi nhưng ông Lê Văn K và bà Hoàng Thị V không thanh toán cho Ngân hàng nên số tiền vay của Ông Lê Văn K và bà Hoàng Thị V đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 06/09/2020. Tổng số tiền Ông Lê Văn K và bà Hoàng Thị V còn nợ Ngân hàng tạm tính đến ngày 25/5/2023 là: 1.162.618.087đồng (Bằng chữ: Một tỉ một trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm mười tám nghìn không trăm tám mươi bảy đồng). Trong đó: Số tiền gốc: 750.000.000 đồng, số tiền lãi trong hạn 01 năm là 76.815,164đ + lãi quá hạn 992 ngày là 314.926.025đ + lãi phạt 20.876.898đồng.

Do đó Ngân hàng yêu cầu bị đơn ông K, bà V phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 25/5/2023 là 1.162.618.087đồng. Từ ngày 26/5/2023 ông K, bà V còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh cho đến khi trả nợ xong.

Trường hợp vợ chồng ông K, bà V không trả được nợ, hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp mà vẫn không đủ thanh toán tiền thì ông K, bà V có trách nhiệm thanh toán số tiền còn thiếu cho Ngân hàng.

***\* Tại bản tự khai, quá trình làm việc và tại phiên tòa bị đơn bà Hoàng Thị V và ông Lê Văn K trình bày:***

Bà V và ông K thừa nhận vợ chồng bà V có vay Ngân hàng số tiền nợ gốc 750.000.000đồng và có thế chấp 02 quyền sử dụng đất như đại diện của Ngân hàng trình bày là hoàn toàn đúng.

Do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng bà V chưa thể trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc đã vay khi đến hạn. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng bà V, ông K đề nghị cho gia đình bà V thời gian để làm các thủ tục bán đất có tiền trả nợ.

Ông Lê Văn H, bà Lê Thị K, ông Lê Văn M và ông Lê Văn N là các con của ông K và bà V, do bận công việc nên không thể đến Tòa án làm việc được. Tuy nhiên nội dung vụ án, các văn bản tố tụng bà V đã nhận thay và cam kết thông báo lại các con Lê Văn H, Lê Thị K, Lê Văn M và Lê Văn N được biết.

\*Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn ông Lê Văn K; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H, bà Lê Thị K, ông Lê Văn M và ông Lê Văn N. Nhưng ông Lê Văn H, bà Lê Thị K, ông Lê Văn M và ông Lê Văn N không đến Tòa án làm việc, không cung cấp ý kiến trình bày để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

**\* Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã ban hành các quyết định, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán đã giải thích đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự. Các đương sự chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Về nội dung:** Đề nghị: Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147, 227, 228, 235, 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, 280, Điều 295, 298, 299, 318, 319, 320, 322, 323, 463, 466, 468 BLDS 2015.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

- Buộc ông Lê Văn K, bà Hoàng Thị V phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 1.151.136.985đ (Một tỉ một trăm năm mươi một triệu một trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm tám trăm năm đồng). Trong đó, bao gồm nợ gốc 750.000.000đồng, nợ lãi là 401.136.985đồng tạm tính đến ngày 25/5/2023.

Từ ngày 26/5/2023 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh đối với số tiền gốc chưa thanh toán với mức lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số LD1924800187 ngày 05/9/2019 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Không chấp nhận khoảng lãi mà ngân hàng đã tính vượt quá quy định là 11.481.102đồng

Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về chi phí tố tụng và án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên Hội đồng xét xử thấy rằng:*

**[1] Về tố tụng:** Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện ông Lê Văn K, bà Hoàng Thị V về tranh chấp hợp đồng tín dụng là hợp đồng dân sự, tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn ông K bà V có nơi cư trú tại huyện E và nơi các bên giao kết hợp đồng tại huyện E. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện E theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, thông báo dời lịch nhưng Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H, bà Lê Thị K, ông Lê Văn M và ông Lê Văn N đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ Điều 227 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt ông Lê Văn H, bà Lê Thị K, ông Lê Văn M và ông Lê Văn N.

**[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

Xét hợp đồng tín dụng số LD1924800187 ngày 05/09/2019 giữa Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đắk Lắk – Phòng Giao dịch Ea Kar với ông Lê Văn K, bà Hoàng Thị V, HĐXX xét thấy các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc ký hợp đồng tín dụng được thực hiện đúng theo trình tự pháp luật về tín dụng ngân hàng nên hợp đồng này có hiệu lực pháp luật. Ông K, bà V đã nhận đầy đủ tiền nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận. Đã quá thời hạn trả nợ, bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền gốc và tiền lãi là vi phạm thỏa thuận của hợp đồng.

Yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 91, 92, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 280, Điều 466 Bộ luật dân sự. HĐXX xét thấy cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền đã vay là có căn cứ.

Về lãi suất: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông K, bà V trả số tiền lãi trong hạn 01 năm là 76.815,164đ + lãi quá hạn 992 ngày là 314.926.025đ + lãi phạt 20.876.898đồng. Căn cứ theo thỏa thuận lãi suất tại hợp đồng tín dụng số LD1924800187 ngày 05/09/2019 giữa Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ – Phòng Giao dịch E với ông Lê Văn K, bà Hoàng Thị V thì mức lãi suất vay trong 03 tháng đầu kể từ ngày giải ngân là 10%/năm. Lãi suất được điều chỉnh theo từng thời kỳ.

Thời hạn vay 12 tháng. Nhưng quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngân hàng không xuất trình được văn bản điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ nên HĐXX không chấp nhận. Căn cứ mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng; căn cứ Điều 463, 466, 468 BLDS 2015, HĐXX xét thấy cần tính lại mức lãi suất như sau:

+ Lãi trong hạn 01 năm là  $750.000.000đ \times 10\%/năm = 75.000.000đ$

+ Lãi quá hạn 992 ngày (từ ngày 6/9/2020 đến 25/5/2023) là  $750.000.000đ \times 10\% \times 150 : 365 \times 992 = 305.753.424đ$

+Lãi phạt chậm trả lãi 992 ngày là  $75.000.000đ \times 10\% : 365 \times 992 = 20.383.561đ$

Tổng công tiền lãi là: 401.136.985đ

Như vậy tổng cả gốc và lãi mà ông K, bà V phải trả cho ngân hàng là 1.151.136.985đ (Một tỉ một trăm năm mươi một triệu một trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm tám lăm đồng).

Không chấp nhận khoảng lãi mà ngân hàng đã tính vượt quá quy định là 11.481.102đ

Xét Hợp đồng thế chấp: Để đảm bảo khoản vay, ông K và bà V đã thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 1524/2017/TC/EKR ngày 29/08/2017 và Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01-1524/2017/TC/EKR ngày 05/9/2019 bị đơn thế chấp cho nguyên đơn 02 Quyền sử dụng đất gồm:

- Quyền sử dụng diện tích đất 4.104m<sup>2</sup> thửa đất số 61, tờ bản đồ 17, địa chỉ thửa đất tại thôn 2, xã E, huyện E, tỉnh Đ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 077576

- Quyền sử dụng diện tích đất 13.339m<sup>2</sup> thửa đất số 145, 146, 62 tờ bản đồ 13, 17. Địa chỉ thửa đất tại thôn 2, xã E, huyện E, tỉnh Đ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 498061

Hợp đồng thế chấp được xác lập đúng theo quy định của pháp luật. Các thành viên khác trong hộ gia đình cũng đã có giấy ủy quyền cho ông K, bà V để vay vốn, đảm bảo cho bên thứ ba vay vốn, được toàn quyền xử lý tài sản thế chấp để thanh toán công nợ theo quy định. Do đó, trường hợp bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng phải trả cho bị đơn QSDĐ đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp trên. Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo quy định của luật thi hành án để thu hồi nợ theo quy định tại Điều 299 BLDS.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Quá trình giải quyết vụ án, chi phí hợp lý cho việc xem xét thẩm định tại chỗ là **1.500.000** đồng (đã chi xong), nguyên đơn Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền chi phí tố tụng. Buộc ông Lê Văn K, bà Hoàng Thị V phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền **1.500.000** đồng chi phí tố tụng trên.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm **Cụ thể:** Ông Lê Văn K, bà Hoàng Thị V phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 46.534.109đ

Do yêu cầu của ngân hàng không được chấp nhận đối với khoảng tiền lãi vượt quá quy định nên phải chịu 574.055đ án phí DSST; Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã nộp là 20.473.914đồng (Đỗ Thái B nộp) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 60AA/2021/0005860 ngày 18/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đ. Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đ hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S 19.899.859đ tiền tạm ứng án phí còn lại theo biên lai trên.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tại phiên tòa là có căn cứ nên cần chấp nhận.

**Vì các lý do trên;**

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147, 227, 228, 235, 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, 280, Điều 295, 298, 299, 318, 319, 320, 322, 323, 463, 466, 468 BLDS 2015.

- Áp dụng Điều 91, 95 [Luật các tổ chức tín dụng](#); [Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng](#); [Nghị định số 163/NĐ - CP](#) ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và [Nghị định số 11/2012/NĐ - CP](#) ngày 22/02/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và [Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14](#) ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án;

[1]Tuyên:Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

- Buộc ông Lê Văn K, bà Hoàng Thị V phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 1.151.136.985đ (Một tỉ một trăm năm mươi một triệu một trăm ba

mười sáu nghìn chín trăm tám trăm đồng). Trong đó, bao gồm nợ gốc 750.000.000đồng, nợ lãi là 401.136.985đồng tạm tính đến ngày 25/5/2023.

Từ ngày 26/5/2023 ông Lê Văn K, bà Hoàng Thị V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh đối với số tiền gốc chưa thanh toán với mức lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số LD1924800187 ngày 05/9/2019 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Không chấp nhận khoảng lãi mà ngân hàng đã tính vượt quá quy định là 11.481.102đồng.

Sau khi ông Lê Văn K, bà Hoàng Thị V thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông K, bà V các tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 1524/2017/TC/EKR ngày 29/08/2017 và Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01-1524/2017/TC/EKR ngày 05/9/2019, gồm: 02 Giấy chứng nhận QSDĐ số AO 077576 do UBND huyện E cấp cho hộ ông Lê Văn K ngày 08/12/2008 có diện 4.104m<sup>2</sup> thửa đất số 61, tờ bản đồ 17, địa chỉ thửa đất tại thôn 2, xã E, huyện E, tỉnh Đ và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 498061 do UBND huyện E cấp cho hộ ông Lê Văn K ngày 14/12/2001 có diện 13.339m<sup>2</sup> thửa đất số 145, 146, 62 tờ bản đồ 13, 17, địa chỉ thửa đất tại thôn 2, xã E, huyện E, tỉnh Đ.

Trường hợp ông Lê Văn K, bà Hoàng Thị V không trả được nợ hoặc trả không đủ gốc và lãi tại bất cứ thời hạn trả nợ nào theo cam kết nêu trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S được quyền yêu cầu kê biên, phát mãi xử lý các tài sản thế chấp là diện tích đất 4.104m<sup>2</sup> thửa đất số 61, tờ bản đồ 17, địa chỉ thửa đất tại thôn 2, xã E, huyện E, tỉnh Đ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 077576 và diện tích đất 13.339m<sup>2</sup> thửa đất số 145, 146, 62 tờ bản đồ 13, 17. Địa chỉ thửa đất tại thôn 2, xã E, huyện E, tỉnh Đ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 498061 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 1524/2017/TC/EKR ngày 29/08/2017 và Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01-1524/2017/TC/EKR ngày 05/9/2019 để thu hồi nợ.

[2] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Buộc ông Lê Văn K, bà Hoàng Thị V phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 1.500.000 đồng chi phí tố tụng xem xét, thẩm định.

[4] Về án phí:

- Ông Lê Văn K, bà Hoàng Thị V phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 46.534.109đ

Do yêu cầu của ngân hàng hàng không được chấp nhận đối với khoảng tiền lãi vượt quá quy định nên phải chịu 574.055đ án phí DSST; Được khấu trừ vào số tiền

tạm ứng án phí mà Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã nộp 20.473.914 đồng (Đỗ Thái B nộp) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 60AA/2021/0005860 ngày 18/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đ. Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đ hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S 19.899.859 đồng tiền tạm ứng án phí còn lại theo biên lai trên.

[5]. Quyền kháng cáo:

- Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự.”*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận**

- TAND tỉnh Đ
- VKSND tỉnh Đ;
- VKSND huyện E;
- Chi cục THADS huyện E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trần Thị Nhã Phương**